TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- H phúc**

Bản án số: **701**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2019
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Ngọc Bảo Châu.**

2. Ông **Võ Văn Dũng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2019 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: tổ 8, ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Ngô Thị H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ 8, ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin vắng mặt; anh N có mặt)

NHẬN THẤY:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 20/6/2019, biên bản hòa giải ngày 15/7/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thành N trình bày*:

Anh N và Chị H quen biết tình cảm được 04 năm, đến năm 2009 kết hôn và

đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2010 ngày 01/3/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ra riêng, sống nhà trọ; đến năm 2012 thì dọn về sống với cha mẹ ruột của anh N tại ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống H phúc, đến ngày 30/4/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do Chị H hay ghen tuông vô cớ với bạn nữ của anh N. Anh N đã giải thích đó chỉ là quan hệ bạn bè làm ăn, hai bên chỉ quen biết bình thường, Chị H không tin nên hay cằn nhằn, thường xuyên kiểm tra điện thoại của anh, chửi anh trước mặt bạn bè với những lời lẽ không hay về chuyện giữa anh và người phụ nữ ấy. Từ ngày 30/4/2019 đến nay, anh khẳng định với Chị H là anh không có nhắn tin qua lại với người nữ đó theo kiểu chồng chồng – vợ vợ nữa nhưng Chị H thường nhắc lại chuyện cũ mặc dù H nói đã bỏ lỗi lầm của anh. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn này, vợ chồng anh chị không còn cãi vả với nhau về vấn đề nào khác. Việc vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình người lớn đều biết nhưng không có giáp mặt để giúp vợ chồng hàn gắn, mẹ ruột Chị H và người thân bên Chị H vì bênh vực Chị H mà thường có những lời không hay đối với anh.

Hiện tại, anh N nhận thấy niềm tin giữa hai vợ chồng không còn, tình cảm cũng không còn, vợ chồng đã bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Ngô Thị H.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên **Nguyễn Nam T**, sinh ngày 12/7/2009 và **Nguyễn Ngọc Như Y**, sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000đồng/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Anh yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định.

- *Về nợ chung, tài sản chung*: không có.

** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 15/7/2019, đơn xin vắng mặt ngày 04/10/2019, bị đơn Ngô Thị H trình bày*:

Chị H thống nhất với lời trình bày của anh N về thời gian quen biết và kết hôn, đăng ký kết hôn. Chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị không có gì khác hơn là việc anh N quen biết qua lại tình cảm với người phụ nữ khác. Bản thân anh N không có sự thay đổi rõ ràng khi chị phát hiện việc này vào thời điểm ngày 01/5/2019. Chính anh N thừa nhận với Chị H là anh N quen biết tình cảm với

người phụ nữ này từ tháng 7 - 8/2018. Khi chị phát hiện, anh N hứa sẽ không còn qua lại với người nữ này nữa nhưng anh N lại thường xuyên nhắn tin điện thoại, cứ xưng hô thân mật là chồng vợ với họ, mặc dù anh N biết chị không đồng ý việc đó. Bao nhiêu năm chung sống, anh N chưa bao giờ xưng hô mày tao với chị, kể từ khi chị phát hiện sự việc trên thì anh N thay đổi thái độ hoàn toàn, hay cọc cằn với chị cho nên vợ chồng mới lời qua tiếng lại. Còn chuyện mẹ của chị và người thân của chị có lời lẽ không hay với anh N là vì họ thương chị, thấy anh N làm chuyện không đúng với vợ và với con. Hiện tại Chị H còn thương chồng, thương con nên mới ghen và có những hành vi không đúng với anh N, nếu anh N rõ ràng hơn trong mối quan hệ với người phụ nữ đó thì chắc chị sẽ không có những biểu hiện mà anh N không hài lòng.

Với yêu cầu của anh N, trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Chị H không đồng ý ly hôn với anh N vì các con chung cần cả cha lẫn mẹ để chăm sóc, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng như anh N trình bày, cha mẹ chồng mong muốn vợ chồng chị hàn gắn và rất yêu quý con dâu, cháu nội. Tuy nhiên đến ngày 04/10/2019, Chị H có đơn trình bày đồng ý ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên **Nguyễn Nam T**, sinh ngày 12/7/2009 và **Nguyễn Ngọc Như Y**, sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn Chị H đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng/con, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định.

- *Về nợ chung, tài sản chung*: không có.

Tại phiên tòa hôm nay

Anh N vẫn kiên quyết muốn được ly hôn với Chị H. Về con chung: do anh thường hay đi công trình xa, hơn 01 tháng mới về nhà 01 lần, nên anh yêu cầu Chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của Chị H nêu trong đơn ngày 04/10/2019. Về nợ chung anh trình bày không có; đối với tài sản chung anh N trình bày có nhưng để tự đôi bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có đơn xin vắng mặt ngày 04/10/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Ngô Thị H; giao 02 con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của anh N như đã trình bày.Về nợ chung: anh N trình bày không có. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của anh N tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04/10/2019, Chị H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Chị H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành N và chị Ngô Thị H xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2010 ngày 01/3/2010.

Theo lời trình bày của anh N tại phiên tòa hôm nay, anh cho rằng sự việc ly hôn ngày nay trước hết là lỗi của anh, anh đã không chung thủy với Chị H trước, có thời gian anh nhắn tin tình cảm qua lại với một người phụ nữ khác gần 01 tháng, tuy nhiên khi Chị H phát hiện anh đã chấm dứt tình trạng này, nhưng Chị H không tin anh mà hay cằn nhằn, ghen tuông vô cớ, có lời lẽ xúc phạm anh. Riêng Chị H, là vợ mà thường đi nhậu cùng bạn nam có hôm đến 1 – 2 giờ sáng mới về, anh có điện thoại để khuyên nhủ nhưng không được vì Chị H chặn số của anh. Từ đó vợ chồng hay cãi nhau, Chị H và anh đã ly thân từ tháng 05/2019, Chị H dẫn 02 con về ngoại sinh sống từ đó cho đến nay, Chị H và anh không liên lạc qua lại nữa.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của anh N tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh N và Chị H không thể hàn gắn được nữa. Anh chị đã thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm và lo nghĩ đến cảm xúc của bên còn lại. Tuy có thời gian tìm hiểu khá dài

trước khi tiến tới hôn nhân, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã không cố gắng tìm hiểu nguyên nhân để giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm cho mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, Chị H có đơn xin vắng mặt, chứng tỏ Chị H cũng không muốn hàn gắn tình cảm với anh N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh được ly hôn với Chị H.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Nam T**, sinh ngày 12/7/2009 và **Nguyễn Ngọc Như Y**, sinh ngày 14/12/2013. Xét Chị H có công việc và thu nhập ổn định, anh N thường nhận công trình xa, hơn 01 tháng mới về nhà 01 lần, cháu Như Y là con gái còn quá nhỏ, cháu T lại có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, từ khi hai anh chị ly thân 02 con chung được Chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận để Chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N hàng tháng cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở (quy định tại Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

[5] Về tài sản chung: anh N trình bày có, nhưng để đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H trình bày không có. Trong trường hợp sau này, nếu anh N và Chị H có tranh chấp về tài sản chung thì anh chị có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Chị H, anh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử ghi nhận không có.

[7] Đối với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét thấy phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Ngô Thị H.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên **Nguyễn Nam T**, sinh ngày 12/7/2009 và **Nguyễn Ngọc Như Y**, sinh ngày 14/12/2013 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N, hàng tháng cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 1.000.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

- *Về nợ chung***:** Không có.

2/ Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009948 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh N còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đồng.

3/ Quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Định, huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI